

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**HUYỆN BẢO L TỈNH** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  
**LÂM ĐỒNG**

Bản án số: **72 /2024/DS-ST**

Ngày: 28-8-2024

V/v: “*Tranh chấp kiện đòi tài sản*”

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẢO L**  
**TỈNH LÂM ĐỒNG**

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa:* Bà **Trần Thị Hà Vi**

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông **Nguyễn Ry**

Bà **Đỗ Thị Thương Huyền**

- *Thư ký phiên tòa:* Bà **Nguyễn Thị Thuý** - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Bảo L, tỉnh Lâm Đồng.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo L tham gia phiên tòa:* Ông **Nguyễn Thanh Lĩnh**- Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Bảo L, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án dân sự thụ lý số 53/2023/TLST-DS ngày 13 tháng 4 năm 2023 về việc “*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản, tranh chấp kiện đòi tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 74/2024/QĐXXST-DS ngày 09 tháng 7 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 90/2024/QĐST-DS ngày 29 tháng 7 năm 2024, Thông báo thay đổi lịch xét xử số 10/TB- TA ngày 16 tháng 8 năm 2024, giữa các Đ sự:

- **Nguyên đơn:** Ông **Ngô Văn S**, S năm 1966; Địa chỉ: Thôn 3, xã Lộc Nam, huyện Bảo L, tỉnh Lâm Đồng;

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông **Phạm Minh V**, S năm 1994; Địa chỉ: Thôn 6, xã Lộc Thành, huyện Bảo L, tỉnh Lâm Đồng;

- **Bị đơn:** Ông **Vũ Văn Đ**, S năm 1979 và bà **Nguyễn Thị Hương**, S năm 1979; Địa chỉ: Thôn 4, xã Lộc Nam, huyện Bảo L, tỉnh Lâm Đồng;

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Ông **Nguyễn Văn V**, S năm 1970; Địa chỉ: Thôn 02, xã Lộc Nam, huyện Bảo L, tỉnh Lâm Đồng;

(Ông **Phạm Minh Vương** có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, ông **Vũ Văn Đ**; bà **Nguyễn Thị Hương**; ông **Nguyễn Văn V** có mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**Theo đơn khởi kiện đề ngày 15/3/2023 và các lời khai trong quá trình giải quyết Nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Phạm Minh Vương trình bày:** Vào ngày 12/6/2013 ông Ngô Văn S cho vợ chồng ông Vũ Văn Đ bà Nguyễn Thị Hương vay số tiền 270.000.000 đồng nhằm mục đích mua vườn. Ông S đã giao đủ tiền vợ chồng ông Đ bà Hương nhưng thông qua ông V, ông V là người cầm tiền đưa cho vợ chồng ông Đ bà Hương và ông V mang giấy nhận nợ lại cho ông S. Khi vay có thỏa thuận lãi suất theo ngân hàng là 1.3%/ tháng, hạn thời hạn trả nợ đến tháng 12/2015.

Quá trình vay mượn tiền thì ngày 14/12/2013 vợ chồng ông Đ bà Hương đã trả cho ông S số tiền 70.000.000 đồng thông qua ông V. Ông V cũng đã giao lại cho ông S số tiền trên nhưng do hai bên không ghi giấy tờ và thời gian đã lâu nên ông S không nhớ. Hiện nay vợ chồng ông Đ bà Hương còn nợ ông S số tiền 200.000.000 đồng.

Mặc dù vay mượn nhau từ năm 2013 nhưng đến năm 2023 ông S mới khởi kiện do ông S đã nhiều lần liên lạc vợ chồng ông Đ bà Hương trả nợ nhưng vợ chồng ông Đ bà Hương chưa trả. Do vậy ông S khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông Đ bà Hương trả số tiền 200.000.000 đồng và lãi suất phát S là 0.83%/ tháng tính từ ngày 15/12/2013 cho đến khi giải quyết xong vụ án.

Việc vay mượn tiền giữa vợ chồng ông Đ bà Hương với ông V thì ông S không liên quan.

**Bị đơn vợ chồng ông Vũ Văn Đ bà Nguyễn Thị Hương trình bày:**

Vợ chồng ông Đ, bà Hương không thống nhất với yêu cầu khởi kiện của ông Ngô Văn S vì:

Vợ chồng ông Đ bà Hương không quen biết ông Ngô Văn S, vợ chồng ông Đ bà Hương chỉ quen biết ông Nguyễn Văn V.

Vào ngày 12/6/2013 vợ chồng ông Đ bà Hương nhận chuyển nhượng từ ông Nguyễn Văn V 01 diện tích đất vườn của vợ chồng ông Trần Văn Sứ bà Trần Thị Lua, địa chỉ thôn 4, xã Lộc Nam, huyện Bảo L, tỉnh Lâm Đồng với giá tiền 280.000.000 đồng (đất này do ông V bắt nợ từ vợ chồng ông Sứ bà Lua). Tại thời điểm vợ chồng ông Đ bà Hương mua đất thì không có tiền nên mới chỉ giao cho ông V số tiền 10.000.000 đồng, còn nợ lại số tiền 270.000.000 đồng, ông V đồng ý cho nợ lại nhưng yêu cầu vợ chồng ông bà kí giấy nợ. Nhưng khi kí giấy nợ tiền thì người cho vay là ông Ngô Văn S chứ không phải ông Nguyễn Văn V. Chữ kí trong giấy mượn tiền ngày 12/6/2013 là chữ kí của ông Đ bà Hương.

Đến ngày 14/12/2013 vợ chồng ông Đ trả cho ông V số tiền 70.000.000 đồng tiền gốc và tiền lãi là 24.570.000 đồng (số tiền tính lãi là do ông Đ ghi đề nhớ) và ông V có viết giấy nhận tiền cho vợ chồng ông Đ bà Hương. Tại thời điểm trả tiền thì ông V tính lãi suất là 1.3%/ tháng, nên vợ chồng ông Đ còn nợ lại số tiền lãi là 10.000.000 đồng, nên ngày 01/01/2014 vợ chồng ông Đ bà Hương viết giấy vay nợ lại ông V số tiền 210.000.000 đồng.

Đến ngày 28/11/2014 thì vợ chồng ông Đ trả cho ông V số tiền 50.000.000 đồng tiền gốc và tiền lãi là 32.276.000 đồng (số tiền ghi tiền lãi trả là do ông Đ ghi đề nhớ), do vậy ông V đã viết còn nợ lại số tiền 160.000.000 đồng.

Đến ngày 26/01/2016 vợ chồng ông Đ trả cho ông V số tiền 50.000.000

đồng và tiền lãi phát S là 24.960.000 đồng (tiền lãi ghi là do ông Đ ghi để nhớ). Tính đến hiện nay vợ chồng ông Đ bà Hương còn nợ ông V số tiền 110.000.000 đồng.

Ông V xuất trình 01 tờ giấy vay tiền có nội dung ghi ngày 19/11/2013 bà Hương nhận nợ của ông V số tiền 200.000.000 đồng (ghi trong giấy là 19/11/13 chị Hương nhận đủ 200.00.000 đồng, bà Hương kí tên) và trình bày ông V không chuyển nhượng đất cho ông Đ bà Hương là hoàn toàn không đúng sự thật. Do vậy vợ chồng ông Đ bà Hương khởi kiện yêu cầu ông V trả lại cho ông Đ bà Hương số tiền đã nhận gốc là 170.000.000 đồng và lãi suất là 81.806.000 đồng, tổng cộng là 251.806.000 đồng và lãi suất phát S là 1.3%/ tháng tính từ ngày 01/01/2016 cho đến khi giải quyết xong vụ án.

Vợ chồng ông Đ bà Hương mua đất từ ông Sứ thì sẽ trả cho ông Sứ, còn ông Sứ trả nợ ai thì ông Đ bà Hương không biết.

Đối với giấy vay tiền do ông Nguyễn Văn V xuất trình có ghi nội dung “*tôi tên Vũ Văn Đ có vay của anh V số tiền 6.500.000 đồng ngày mượn 1/01/11 ngày trả 1/11/11, phía dưới ghi 19/11/13 chị hương nhận đủ 200.000.000*” chữ viết là do ông V ghi bà Hương kí tên ở dưới thì vợ chồng ông Đ bà Hương không đồng ý vì bà Hương không vay nợ hay nhận số tiền 200.000.000 đồng từ ông V. Chữ kí dưới chỗ người mượn bà Hương thừa nhận là bà Hương kí nhưng kí nhận nợ số tiền 6.500.000 đồng.

***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:***

- ***Ông Nguyễn Văn V trình bày:*** Ông V có quen biết ông S là hàng xóm và quen biết vợ chồng ông Đ bà Hương.

Sự việc vào ngày 12/6/2013 thì đúng như ông S trình bày, do vợ chồng ông Đ bà Hương mua đất vườn từ vợ chồng ông Trần Văn Sứ bà Trần Thị Lua nhưng không có tiền nên ông Đ đã nhờ ông V đứng ra vay dùm tiền nên ông V đã nói với ông S cho vợ chồng ông Đ vay số tiền 270.000.000 đồng, đồng thời giao cho ông V tờ giấy nợ để vợ chồng ông Đ bà Hương kí tên nợ và trả lại giấy vay tiền cho ông S.

Sau đó đến ngày 14/12/2013 ông Đ trả cho ông S số tiền 70.000.000 đồng tiền gốc nên ông V đã ghi giấy nhận tiền thay cho ông S đã nhận tiền từ ông Đ. Tiền lãi ghi trong giấy như ông Đ đã ghi là đúng. Sau đó ông V đã giao cả tiền gốc và tiền lãi cho ông S nhưng hai bên không ghi giấy tờ gì với nhau. Tính đến ngày 14/12/2013 thì vợ chồng ông Đ bà Hương còn nợ ông S số tiền 200.000.000 đồng.

Giữa vợ chồng ông Đ bà Hương có việc vay mượn tiền, mua hàng gạo, nước hàng ngày nên vào ngày 01/01/2011 vợ chồng ông Đ bà Hương vay của ông V số tiền 6.500.000 đồng, hẹn ngày 01/11/2011 trả thì ông V chỉ ghi để nhớ do số tiền không lớn và không yêu cầu ông Đ kí nợ. Đến ngày 19/11/2013 bà Hương vay số tiền 190.000.000 đồng và cộng thêm số tiền 6.500.000 đồng + tiền lãi của 6.500.000 đồng thành 201.500.000 đồng thì bà Hương trả 1.500.000 đồng, còn nợ lại 200.000.000 đồng nên ông V mới ghi nợ và bà Hương kí tên dưới người mượn.

Do vợ chồng ông Đ nói mượn dùm 200.000.000 đồng trong hơn 1 tháng nên tính lãi suất theo ngày 1.200 đồng/ 1 ngày/ 1 triệu nên tính đến ngày

01/01/2014 thì vợ chồng ông Đ bà Hương nợ ông V số tiền 210.000.000 đồng. Sau đó ông V trả nợ người ta số tiền 210.000.000 đồng rồi nên ông V tính lãi suất từ ngày 01/01/2014 là lãi suất là 1.3%/ tháng. Sau đó toàn bộ việc trả tiền của vợ chồng ông Đ bà Hương cho ông V giống vợ chồng ông Đ trình bày.

Tính đến ngày 26/11/2016 vợ chồng ông Đ bà Hương chỉ còn nợ lại ông V số tiền gốc là 110.000.000 đồng. Do vậy ông V khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông Đ bà Hương trả nợ số tiền gốc là 110.000.000 đồng và lãi suất phát S là 0.83%/ tháng, tính từ ngày 26/11/2016 cho đến khi giải quyết xong vụ án.

**Vợ chồng ông Trần Văn Sửu bà Trần Thị Lua trình bày:** Giữa vợ chồng ông Sửu bà Lua với vợ chồng ông Vũ Văn Đ bà Nguyễn Thị Hương, ông Nguyễn Văn V không có mối quan hệ họ hàng, chỉ là quen biết nhau. Trước đó thì vợ chồng ông bà có nợ của ông V một khoản tiền nên vào tháng 6/2013 để giải quyết dứt điểm khoản nợ với nhau nên các bên thỏa thuận với nhau vợ chồng ông Sửu bà Lua có chuyển nhượng cho ông V diện tích đất + nhà khoảng hơn 6 xào, theo ông Sửu bà Lua được biết thì sau đó ông V chuyển nhượng lại diện tích đất trên cho vợ chồng ông Đ bà Hương, giá chuyển nhượng bao nhiêu thì ông bà không biết tuy nhiên ông V và vợ chồng ông Sửu bà Lua với vợ chồng ông Đ bà Hương có nhờ vợ chồng ông bà kí giấy sang nhượng đất và nhà cho vợ chồng ông Đ để vợ chồng ông Đ làm thủ tục sang tên cấp giấy CN QSD đất theo quy định vào ngày 12/6/2013. Theo nội dung giấy sang nhượng đất + nhà viết tay ngày 12/6/2013 thì vợ chồng ông bà bán cho vợ chồng ông Đ bà Hương diện tích đất cà phê và nhà là 6.200 m<sup>2</sup> với giá tiền là 280.000.000 đồng, tuy nhiên giữa vợ chồng ông bà với vợ chồng ông Đ hoàn toàn không có việc mua bán với nhau, cũng như không có việc nhận tiền như trong giấy đã ghi mà ông bà chỉ chuyển nhượng QSD đất cho ông V.

Đối với diện tích đất trên vợ chồng ông Đ bà Hương đã làm thủ tục cấp giấy CN QSD đất và quản lý, sử dụng đất từ năm 2013 cho đến nay, ông Sửu bà Lua không có ý kiến gì. Còn đối với việc vay mượn tiền giữa ông S với vợ chồng ông Đ bà Hương và với ông Nguyễn Văn V thì ông bà không liên quan, cũng không có ý kiến gì. Ông bà đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Ông Trần Văn Sửu bà Trần Thị Lua đề nghị vắng mặt trong tất cả các phiên họp về giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, phiên xét xử của Tòa án.

Tòa án đã tiến hành phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vào ngày 25/03/2024 nhưng hòa giải không thành.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện về lãi suất, chỉ yêu cầu lãi suất là 0.83%/ tháng kể từ ngày 28/8/2022 đến ngày 28/8/2024 là 39.840.000 đồng, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn V vẫn giữ nguyên yêu cầu.

Sau khi kết thúc phân tranh luận, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo L tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn trả cho nguyên đơn số tiền còn nợ là 200.000.000 đồng tiền gốc, không chấp nhận tiền lãi suất phát S là 0.83%/ tháng kể từ ngày 28/8/2022 cho đến ngày 28/8/2024; chấp nhận 1 phần yêu cầu khởi kiện của bị đơn buộc ông Nguyễn Văn V trả lại số tiền 100.000.000 đồng tiền gốc, đối với số tiền lãi suất ông Đ bà Hương đồng ý đã trả nên ông V thì do vợ chồng ông Đ bà Hương không yêu cầu nên ông V không phải trả lại đồng thời không chấp nhận yêu cầu tính lãi suất của bị đơn là 1.3%/ tháng tính từ ngày 01/01/2016-28/8/2024; Chấp nhận 1 phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn V, buộc vợ chồng ông Đ bà Hương trả cho ông V số tiền 6.500.000 đồng, không chấp nhận yêu cầu của ông V đối với số tiền 103.500.000 đồng và số tiền tính lãi suất là 193.500.000 đồng; Về án phí đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

### NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] *Về tố tụng:* Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn ông Phạm Minh Vương có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào **khoản 2 Điều 227**, Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự tiếp tục giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

[2] *Về quan hệ tranh chấp, thẩm quyền:* Ông Ngô Văn S khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông Vũ Văn Đ, bà Nguyễn Thị Hương có địa chỉ tại thôn 4, xã Lộc Nam, huyện Bảo L, tỉnh Lâm Đồng, phải trả số tiền vay nợ gốc là 200.000.000 đồng và lãi suất phát S, vợ chồng ông Vũ Văn Đ khởi kiện ông Nguyễn Văn V trả lại số tiền 251.806.000 đồng và lãi suất phát S là 1.3%/ tháng tính từ ngày 01/01/2016 cho đến khi giải quyết xong vụ án, ông Nguyễn Văn V khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông Đ bà Hương trả còn lại số tiền 110.000.000 đồng tuy nhiên căn cứ vào Điều 429 Bộ luật dân sự thì ông S, ông V đã hết thời hiệu khởi kiện về hợp đồng nên xác định quan hệ “*tranh chấp về kiện đòi tài sản*” và thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân huyện Bảo L giải quyết theo quy định **khoản 2 Điều 26**, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] *Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Ngô Văn S, đối chiếu tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn xuất trình thể hiện:*

3.1 Theo giấy mượn tiền ngày 12/6/2013 bản gốc thể hiện: Vào ngày 12/6/2013 ông Ngô Văn S cho vợ chồng ông Vũ Văn Đ bà Nguyễn Thị Hương vay số tiền 270.000.000 đồng nhằm mục đích mua vườn. Khi vay có thỏa thuận lãi suất theo ngân hàng, hạn thời hạn trả nợ đến tháng 12/2015. Tại bên mượn tiền có chữ kí của ông Vũ Văn Đ bà Nguyễn Thị Hương. Chữ kí này được vợ chồng ông Đ bà Hương thừa nhận.

Sau đó cả ông Vương là người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn trình bày và cả ông Nguyễn Văn V thừa nhận vào ngày 14/12/2013 vợ chồng

ông Đ bà Hương đã trả cho ông S số tiền 70.000.000 đồng thông qua ông V. Ông V cũng đã giao lại cho ông S số tiền trên nhưng do hai bên không ghi giấy tờ. Do vậy hiện nay vợ chồng ông Đ bà Hương còn nợ ông Ngô Văn S số tiền 200.000.000 đồng. Nên ông S khởi kiện yêu cầu buộc vợ chồng ông Đ bà Hương phải trả cho ông S số tiền nợ gốc là 200.000.000 đồng.

3.2 Bên cạnh đó, theo các tài liệu chứng cứ do bị đơn vợ chồng ông Đ bà Hương xuất trình thì thể hiện: giấy nhận tiền ngày 14/12/2012 thể hiện nội dung “ông Nguyễn Văn V có nhận của vợ chồng ông Đ số tiền 70.000.000 đồng để trả cho ông Ngô Văn S mượn ngày 12/6/2013”, dưới dòng người nhận tiền thì ông Đ thừa nhận có ghi “ tiền lãi 7 tháng là 24.570.000 đồng”. Ông V thừa nhận đã nhận số tiền gốc 70.000.000 đồng và tiền lãi, ông V đã giao lại cho ông S và được ông S thừa nhận nên ông S chỉ khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông Đ bà Hương trả nợ số tiền còn nợ là 200.000.000 đồng là có cơ sở để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Ngô Văn S.

Mặc dù vợ chồng ông Đ bà Hương cho rằng ông bà không nợ tiền ông S mà nợ tiền mua bán đất của ông V nhưng lại không xuất trình được chứng cứ thể hiện hai bên chuyển nhượng QSD đất mà thông qua việc vay tiền ông S trả ông V.

Đối với 02 giấy vay nợ ngày 01/01/2014 bản gốc thể hiện ông Đ mượn ông V số tiền 210.000.000 đồng; ở dưới có nội dung ngày 28/11/2014 anh chị Đ trả cho V số tiền 50.000.000 đồng còn 160.000.000 đồng do ông V ghi ( tiền lãi 32.276.000 đồng do ông Đ tự ghi) và giấy trả tiền ngày 26/01/2016 bản gốc do vợ chồng ông Đ bà Hương xuất trình thể hiện ông Đ trả cho ông V số tiền 50.000.000 đồng do ông V ghi, tiền lãi 12 tháng 24.960.000 đồng do ông Đ tự ghi. Qua xem xét toàn bộ giấy ghi nợ và việc trả tiền thì thấy rằng vợ chồng ông Đ bà Hương trình bày từng khoản tiền trả cho ông V là nhằm mục đích trả tiền nợ mua vườn của vợ chồng ông Trần Văn Sứ bà Trần Thị Lua đã chuyển nhượng cho ông V, sau đó ông V chuyển nhượng cho vợ chồng ông Đ bà Hương nhưng ông Đ bà Hương với ông V không viết giấy tờ sang nhượng mà thông qua ông Sứ bà Lua. Tuy nhiên việc vay mượn tiền giữa vợ chồng Đ bà Hương với ông S là có giấy tờ chứng minh, đáng lẽ khi ông V nhận tiền từ vợ chồng ông Đ bà Hương thì phải có trách nhiệm giao đủ lại tiền vay, vì khi ông V đưa giấy tờ cho vợ chồng ông Đ bà Hương kí tên vay tiền từ ông S thì ông V đã chuyển giao nghĩa vụ trả tiền từ ông Đ bà Hương qua ông S, được ông S đồng ý nên khi ông Đ bà Hương trả tiền thông qua ông V thì ông V phải có trách nhiệm thông báo cho ông S và giao tiền cho ông S nên việc ông V không giao tiền cho ông S là không đúng, do vậy ông Đ bà Hương đã có trách nhiệm phải trả cho ông S số tiền 200.000.000 đồng tiền gốc thì ông V phải có trách nhiệm trả lại cho vợ chồng ông Đ bà Hương số tiền đã nhận ngày 28/11/2014 và ngày 26/01/2016 với số tiền nhận gốc là 100.000.000 đồng và tiền lãi là 57.236.000 đồng là có cơ sở để chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của vợ chồng ông Đ bà Hương ( số tiền 70.000.000 đồng, tiền lãi là 24.570.000 đồng đã được căn trừ vào nợ gốc của ông S, tiền lãi các bên thống nhất không yêu cầu xem xét lại). Do vậy cần buộc ông Nguyễn Văn V có trách nhiệm trả cho vợ chồng ông S bà Hương số tiền đã nhận là 157.236.000 đồng là đúng quy định của pháp luật.

**3.3** Đối với giấy vay tiền do ông Nguyễn Văn V xuất trình ngày 01/01/11 ngày trả 1/11/11 (tức ngày 01/01/2011 ngày trả 1/11/2011) thể hiện ngày 01/01/2011 vợ chồng ông Đ bà Hương có vay của ông V số tiền 6.500.000 đồng hẹn ngày 01/11/2011 trả nợ, dưới dòng chữ do ông V ghi 19/11/2013 chị Hương nhận đủ 200.000.000 đồng” người mượn Nguyễn Thị Hương kí tên.

Theo ông V trình bày thì vợ chồng ông Đ bà Hương có việc vay mượn tiền, mua hàng gạo, nước hàng ngày của ông V nên vào ngày 01/01/2011 vợ chồng ông Đ bà Hương vay của ông V số tiền 6.500.000 đồng, hẹn ngày 01/11/2011 trả thì ông V chỉ ghi đề nhớ do số tiền không lớn và không yêu cầu ông Đ kí nợ. Đến ngày 19/11/2013 bà Hương vay số tiền 190.000.000 đồng và cộng thêm số tiền nợ cũ 6.500.000 đồng + tiền lãi của 6.500.000 đồng thành 201.500.000 đồng thì bà Hương trả 1.500.000 đồng, còn nợ lại 200.000.000 đồng nên ông V mới ghi nợ và bà Hương kí tên dưới người mượn, sau đó đến ngày 01/01/2014 ông Đ viết giấy nợ cho ông V số tiền 210.000.000 đồng, mỗi bên giữa 01 bản nhưng bản giấy ghi nợ của ông V đã thất lạc nên chỉ còn giấy của ông Đ. Qua xem xét giấy vay tiền thì dòng chữ “Tôi tên Vũ Văn Đ cư ngụ thôn 4 xã Lộc Nam có vay của anh V số tiền 6.500.000 đồng (Sáu triệu năm trăm ngàn đồng chẵn/ ngày mượn 1/01/11 ngày trả 1/11/11 với chữ người mượn Nguyễn Thị Hương” là cùng một màu mực, còn dòng chữ “19/11/13 chị Hương nhận đủ 200.000.000 đ (hai trăm triệu chẵn) tính lãi 201.500.000 đ” là một màu mực khác và ông V thừa nhận do ông V ghi bà Hương kí nhận tiền nhưng bà Hương không thừa nhận là người ghi dòng chữ trên, màu mực cũng không tương đồng như dòng chữ 1/01/11 ngày trả 1/11/11 bà Hương thừa nhận do ông V ghi còn bà Hương kí tên người mượn. Do vậy việc ông V trình bày là không hợp lí vì không thể vừa là người vay tiền lại vừa người ghi giấy nợ cũng là người giữ giấy nợ. Ông V cho rằng quá trình trả nợ ngày 28/11/2014 và ngày 26/01/2016 là vợ chồng ông Đ bà Hương trả cho ông V, hiện nay vợ chồng ông Đ bà Hương còn nợ ông Vương số tiền 110.000.000 đồng là không có cơ sở để chấp nhận mà chỉ chấp nhận số tiền vợ chồng ông Đ bà Hương thừa nhận có nợ là 6.500.000 đồng. Mặc dù vợ chồng ông Đ bà Hương cho rằng chỉ nợ 6.500.000 đồng và đã trả nhưng không cung cấp được tài liệu chứng cứ chứng minh, tại phiên tòa của ông V thừa nhận ngày 20/01/2017 có nhận số tiền 2.500.000 đồng ghi ở mặt sau giấy ghi trả tiền ngày 26/01/2016 nên HĐXX chỉ xem xét chấp nhận số tiền hiện nay vợ chồng ông Đ bà Hương còn nợ ông V là 4.000.000 đồng, không chấp nhận đối với số tiền 106.000.000 đồng.

**3.4** Đối với yêu cầu tính lãi suất phát S của Đ sự như sau:

Ông Ngô Văn S yêu cầu tính lãi suất phát S là 0.83%/ tháng trên số tiền 200.000.000 đồng từ ngày 28/8/2022 cho đến ngày 28/8/2024 là 39.840.000 đồng, vợ chồng ông Đ bà Hương không đồng ý trả nợ tuy nhiên là tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản có thời hạn, trong giấy ghi nợ hẹn tháng 12/2015 trả nhưng ông S không khởi kiện trong thời hạn thời hiệu quy định tại Điều 429 Bộ luật dân sự quy định nên chỉ được yêu cầu tiền gốc là 200.000.000 đồng, không chấp nhận yêu cầu tính lãi suất là 39.840.000 đồng.

Ông Vũ Văn Đ bà Nguyễn Thị Hương yêu cầu ông V trả lại số tiền 251.806.000 đồng và tiền lãi suất phát S là 1.3%/ tháng kể từ ngày 01/01/2016

cho đến ngày 28/8/2024 là 340.114.000 đồng(làm tròn). Tuy nhiên giữa vợ chồng ông Đ bà Hương không có tài liệu chứng cứ nào thể hiện ông Đ bà Hương cho ông V vay tiền, thoả thuận lãi suất nên không có quyền yêu cầu lãi suất. Do vậy HĐXX không chấp nhận yêu cầu tính lãi suất phát S của vợ chồng ông Đ bà Hương.

Ông Nguyễn Văn V yêu cầu vợ chồng ông Vũ Văn Đ bà Nguyễn Thị Hương trả nợ số tiền 110.000.000 đồng và lãi suất phát S là 0.83 %/ tháng tính từ ngày 26/11/2016 đến ngày 28/8/2024 là 83.144.000 đồng (làm tròn). Tuy nhiên ông V chỉ được chấp nhận số tiền vay 4.000.000 đồng và hạn ngày 01/11/2011 trả nhưng ông V không khởi kiện trong thời hạn thời hiệu quy định tại Điều 429 Bộ luật dân sự quy định nên chỉ được yêu cầu tiền gốc là 4.000.000 đồng, không chấp nhận yêu cầu tính lãi suất là 83.144.000 đồng.

3.5 Việc chuyển nhượng QSD đất giữa vợ chồng ông Trần Văn Sứ bà Trần Thị Lụa với vợ chồng ông Vũ Văn Đ bà Nguyễn Thị Hương với ông Nguyễn Văn V không ai yêu cầu giải quyết gì nên HĐXX không xem xét.

3.6 Căn cứ vào các Điều 166, Điều 357, Điều 468, **Điều 429** Bộ luật dân sự cần buộc vợ chồng ông Vũ Văn Đ bà Nguyễn Thị Hương có trách nhiệm trả cho ông Ngô Văn S số tiền nợ gốc là 200.000.000 đồng, không chấp nhận yêu cầu tính lãi suất phát S của ông S với số tiền là 39.840.000 đồng; buộc ông Nguyễn Văn V có trách nhiệm trả cho vợ chồng ông Vũ Văn Đ bà Nguyễn Thị Hương số tiền **157.236.000 đồng, không chấp nhận yêu cầu tính lãi suất phát S của ông Đ bà Hương với số tiền là 340.114.000 đồng**; Buộc vợ chồng ông Vũ Văn Đ bà Nguyễn Thị Hương có trách nhiệm trả cho ông Nguyễn Văn V số tiền 4.000.000 đồng, không chấp nhận yêu cầu tính lãi suất của ông V với số tiền là 83.144.000 đồng.

[4]. Về án phí: Do ông Ngô Văn S được chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện trên số tiền nợ gốc là 200.000.000 đồng nên vợ chồng ông Đ bà Hương phải chịu án phí là  $200.000.000 \text{ đ} \times 5\% = 10.000.000$  đồng; ông Ngô Văn S không được chấp nhận yêu cầu trên số tiền yêu cầu là 39.840.000 đồng nên phải chịu án phí là  $39.840.000 \text{ đồng} \times 5\% = 1.992.000$  đồng; ông Vũ Văn Đ phải chịu án phí trên số tiền yêu cầu không được chấp nhận là  $(94.570.000 \text{ đ} + 340.114.000 \text{ đ} = 434.684.000 \text{ đồng})$  là 21.387.000 đồng (làm tròn) và 300.000 đồng án phí trên số tiền phải trả cho ông V, tổng cộng ông Đ bà Hương phải chịu án phí là 31.687.000 đồng; ông Nguyễn Văn V phải chịu án phí trên số tiền không được chấp nhận là  $(83.144.000 \text{ đồng} + 106.000.000 \text{ đồng}) \times 5\% = 9.457.200$  đồng (làm tròn) theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

## QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 264, Điều 266 Bộ luật tố tụng dân sự;



Áp dụng Điều Điều 166, Điều 357, **Điều 429** Bộ luật dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Ngô Văn S về việc “*Tranh chấp kiện đòi tài sản*” đối với bị đơn vợ chồng ông Vũ Văn Đ bà Nguyễn Thị Hương;

Buộc vợ chồng ông Vũ Văn Đ bà Nguyễn Thị Hương có trách nhiệm trả số tiền nợ gốc cho ông Ngô Văn S với số tiền 200.000.000 đồng (*Hai trăm triệu đồng*);

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện tính lãi suất phát S của ông Ngô Văn S với số tiền là 39.840.000 đồng (*Ba mươi chín triệu, tám trăm bốn mươi ngàn đồng*).

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Vũ Văn Đ bà Nguyễn Thị Hương về việc về việc “*Tranh chấp kiện đòi tài sản*” đối với ông Nguyễn Văn V;

Buộc ông Nguyễn Văn V có trách nhiệm trả cho vợ chồng ông Vũ Văn Đ bà Nguyễn Thị Hương số tiền 157.236.000 đồng (*Một trăm năm mươi bảy triệu, hai trăm ba mươi sáu ngàn đồng*);

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của vợ chồng ông Vũ Văn Đ bà Nguyễn Thị Hương với số tiền là 94.570.000 đồng và tiền lãi suất phát S với số tiền là 340.114.000 đồng, tổng cộng số tiền không được chấp nhận là 434.684.000 đồng (*Bốn trăm, ba mươi bốn triệu, sáu trăm tám mươi bốn ngàn đồng*).

Chấp nhận một yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn V về việc “*Tranh chấp kiện đòi tài sản*” đối với bị đơn vợ chồng ông Vũ Văn Đ bà Nguyễn Thị Hương;

Buộc vợ chồng ông Vũ Văn Đ bà Nguyễn Thị Hương có trách nhiệm trả số tiền nợ gốc cho ông Nguyễn Văn V với số tiền 4.000.000 đồng (*Bốn triệu đồng*);

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện ông Nguyễn Văn V với số tiền là 106.000.000 đồng và tiền lãi suất phát S với số tiền là 83.144.000 đồng, tổng cộng số tiền không được chấp nhận là 189.144.000 đồng (*Một trăm, tám mươi chín triệu, một trăm bốn mươi bốn ngàn đồng*).

*Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 29-8-2024) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật, nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.*

2. *Về án phí:* Buộc ông Ngô Văn S phải chịu số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 1.992.000 đồng được trừ vào số tiền 12.644.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí, lệ phí tại Biên lai số 0012756 ngày 12/4/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bảo L. Ông Ngô Văn S được nhận lại số tiền 10.652.000 đồng.

Buộc vợ chồng ông Vũ Văn Đ bà Nguyễn Thị Hương phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 31.687.000 đồng trừ vào số tiền 7.857.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí, lệ phí tại Biên lai số 0012999 ngày 22/8/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bảo L. Vợ chồng ông Vũ Văn Đ bà Nguyễn Thị Hương còn phải nộp số tiền 23.830.000 đồng.

Buộc ông Nguyễn Văn V phải chịu số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 9.457.200 đồng được trừ vào số tiền 4.576.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí, lệ phí tại Biên lai số 0013000 ngày 22/8/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bảo L. Ông Nguyễn Văn V còn phải nộp số tiền 4.881.200 đồng.

3. *Về quyền kháng cáo:* Án xử công khai, Đ sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Đ sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt, niêm yết hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2015 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2015.*

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND huyện Bảo L;
- Chi cục THA dân sự H. Bảo L;
- Các Đ sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TOẠ PHIÊN TOẠ**

*ĐÃ KÝ*

**Trần Thị Hà Vi**























